

Số: /QĐ-HĐTD

Long Biên, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nội dung, tài liệu ôn tập - Kỳ tuyển dụng viên chức
làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc
UBND phường Long Biên năm 2026**

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VCGD PHƯỜNG LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 ngày 16/6/2026;

Căn cứ các Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ về việc ban hành nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định 1584/QĐ-UBND ngày 16/3/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo và nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của UBND phường Long Biên về việc phê duyệt chỉ tiêu và Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND phường Long Biên năm 2026; Thông báo số 788/TB-UBND ngày 24/7/2026 của UBND phường Long Biên về việc tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND phường Long Biên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 27/7/2026 của UBND phường Long Biên về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND phường Long Biên năm 2026;

Theo đề nghị của Trường phòng Văn hoá - Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung, tài liệu ôn tập - Kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND phường Long Biên năm 2026, cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG ÔN TẬP THI VÒNG 1

1. Kiến thức chung: Phụ lục 1

2. Ngoại ngữ (Tiếng Anh):

- Trình độ bậc 3: Phụ lục 2
- Trình độ bậc 2: Phụ lục 3

II. NỘI DUNG ÔN TẬP THI VÒNG 2: Phụ lục 4

Điều 2. Giao phòng Văn hóa - Xã hội công bố Quyết định phê duyệt nội dung, tài liệu ôn tập trên Trang thông tin điện tử phường theo quy định, cung cấp nội dung ôn tập cho đơn vị liên quan để thực hiện công tác làm đề thi, hướng dẫn chấm thi.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan, Đơn vị xây dựng đề thi và hướng dẫn chấm thi, Các thí sinh dự thi chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VHXX, HĐTD. (06)

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG
Nguyễn Quang Toàn**

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN THI VÒNG 1, NỘI DUNG KIẾN THỨC
CHUNG, KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ
GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND PHƯỜNG LONG BIÊN
NĂM 2026

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐTD ngày /8/2026
của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục phường Long Biên)*

I. Phương thức làm bài

- Thí sinh được kiểm tra hiểu biết về pháp luật viên chức, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng.

1. Hình thức: Trắc nghiệm khách quan trên máy vi tính;
2. Số lượng: 60 câu hỏi/ bài thi
3. Thời gian làm bài: 60 phút;

Mỗi câu hỏi có 04 phương án, trong đó có 01 phương án đúng hoặc phù hợp nhất.

II. Nội dung ôn tập

1. Luật Viên chức số 129/2025/QH15;
2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025.
3. Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;
4. Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;
5. Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
6. Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc Hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.
7. Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên (không bao gồm Điều 6 đã hết hiệu lực kể từ ngày 30/01/2026) và Thông tư số 03/2026/TT-BGDĐT ngày 30/01/2026 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo.
8. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

PHỤ LỤC 02
NỘI DUNG ÔN THI VÒNG 1 MÔN TIẾNG ANH - BẬC 3
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC
CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND PHƯỜNG LONG BIÊN NĂM 2026

I. Mục tiêu đánh giá

Phần thi Tiếng Anh nhằm đánh giá khả năng hiểu và sử dụng tiếng Anh của người dự tuyển ở mức độ tham chiếu Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, phù hợp với những tình huống quen thuộc trong đời sống, học tập, công việc, trường học và hoạt động nghề nghiệp.

II. Hình thức và thời gian thi

1. Hình thức: Trắc nghiệm khách quan trên máy vi tính;
2. Số lượng: 30 câu hỏi/ bài thi
3. Thời gian làm bài: 30 phút;

Mỗi câu hỏi có 04 phương án, trong đó có 01 phương án đúng hoặc phù hợp nhất.

III. Phạm vi nội dung ôn tập

1. Thì và thể của động từ

- Present simple;
- Present continuous;
- Present perfect;
- Past simple;
- Past continuous;
- Past perfect ở các trường hợp thông dụng;
- Future with will;
- Be going to;
- Present continuous for future arrangements;
- Sự phối hợp thì trong câu và trong văn bản;
- Các dấu hiệu thời gian và sự khác biệt về nghĩa giữa các thì.

2. Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ

- Chủ ngữ số ít, số nhiều;
- Đại từ bất định;
- Danh từ tập hợp trong các trường hợp thông dụng;
- Cấu trúc there is/there are;
- Các chủ ngữ ghép thông dụng.

3. Động từ khuyết thiếu

- Can, could;
- May, might;
- Must, have to;
- Should, ought to;
- Mustn't, don't have to, needn't;
- Would;
- Cách diễn đạt khả năng, sự cho phép, yêu cầu, nghĩa vụ, lời khuyên, dự đoán và khả năng xảy ra.

4. Động từ nguyên mẫu và danh động từ

- Verb + to-infinitive;
- Verb + gerund;
- Adjective + to-infinitive;
- Preposition + gerund;
- Một số cấu trúc có sự khác nhau về nghĩa khi dùng to-infinitive hoặc gerund;
- Imperatives.

5. Câu bị động

- Câu bị động ở hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai đơn và với động từ khuyết thiếu;
- Chuyển đổi ý nghĩa giữa câu chủ động và câu bị động;
- Câu bị động trong thông báo, quy định, hướng dẫn và văn bản hành chính thông thường.

6. Câu điều kiện và cấu trúc giả định thông dụng

- Zero conditional;
- First conditional;
- Second conditional;
- Unless;
- If và when trong các tình huống phù hợp;
- Wish ở một số trường hợp thông dụng phù hợp với Bậc 3.

7. Mệnh đề quan hệ

- Who, whom, whose;
- Which, that;
- Where, when;

- Mệnh đề quan hệ xác định và không xác định ở mức độ thông dụng;
- Lược bỏ đại từ quan hệ khi phù hợp.

8. Câu tường thuật

- Reported statements;
- Reported questions;
- Reported requests and commands;
- Thay đổi thì, đại từ và trạng từ chỉ thời gian, nơi chốn trong các trường hợp thông dụng.

9. So sánh

- Comparative;
- Superlative;
- Equality;
- Less, fewer, more;
- Too, enough;
- So và such;
- Các cấu trúc so sánh thông dụng.

10. Mạo từ, từ hạn định và từ chỉ số lượng

- A, an, the và trường hợp không dùng mạo từ;
- Some, any, no;
- Much, many;
- Few, a few;
- Little, a little;
- Each, every;
- Both, either, neither;
- All, most, several;
- A number of, the number of.

11. Giới từ và cụm giới từ

- Giới từ chỉ thời gian;
- Giới từ chỉ vị trí;
- Giới từ chỉ hướng;
- Giới từ đi sau tính từ;
- Giới từ đi sau động từ;
- Các cụm giới từ thông dụng trong đời sống, công việc và giáo dục.

12. Liên từ và từ nối

- And, but, or;
- Because, since, as;
- Although, though, even though;
- However, therefore;
- So, so that;
- Before, after, while, when, until, as soon as;
- First, next, then, finally;
- In addition, for example, on the other hand;
- Các từ nối biểu thị trình tự, nguyên nhân, kết quả, tương phản và bổ sung.

13. Cấu tạo từ và từ loại

- Danh từ, động từ, tính từ và trạng từ;
- Tiền tố, hậu tố thông dụng;
- Chuyển đổi từ loại trong ngữ cảnh;
- Phân biệt tính từ đuôi -ed và -ing;
- Danh từ đếm được và không đếm được;
- Số ít, số nhiều;
- Sở hữu cách;

14. Câu hỏi

- Yes/No questions;
- Wh-questions;
- Indirect questions;
- Question tags;
- Câu hỏi nhằm yêu cầu, xác nhận hoặc làm rõ thông tin.

15. Từ vựng

- Nghĩa của từ và cụm từ;
- Từ đồng nghĩa và trái nghĩa thông dụng;
- Collocations;
- Phrasal verbs thông dụng;
- Lựa chọn từ phù hợp với ngữ cảnh;
- Cách dùng từ trong văn phong đời sống và công việc.

16. Chức năng giao tiếp

- Chào hỏi và giới thiệu;
- Cảm ơn và đáp lại lời cảm ơn;

- Xin lỗi và đáp lại lời xin lỗi;
- Yêu cầu và đề nghị;
- Xin phép và cho phép;
- Đưa ra lời khuyên;
- Đưa ra lời mời và đáp lại lời mời;
- Đề xuất và thảo luận phương án;
- Đồng ý và không đồng ý;
- Trình bày ý kiến;
- Hỏi lại và làm rõ thông tin;
- Phàn nàn và phản hồi;
- Sắp xếp thời gian, lịch hẹn;
- Chỉ dẫn đường đi;
- Trao đổi thông tin qua điện thoại hoặc thư điện tử;
- Giao tiếp trong trường học và môi trường làm việc.

17. Tổ chức và liên kết văn bản

- Nhận biết câu chủ đề;
- Nhận biết trình tự các ý;
- Sắp xếp câu thành đoạn văn hợp lý;
- Sử dụng từ nối;
- Nhận biết sự liên kết giữa các câu;
- Chọn câu phù hợp để hoàn thành đoạn văn;
- Xác định câu không phù hợp với nội dung chung;
- Chọn câu tóm tắt hoặc tiêu đề phù hợp.

PHỤ LỤC 3
NỘI DUNG ÔN THI VÒNG 1 MÔN TIẾNG ANH - BẬC 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC
CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND PHƯỜNG LONG BIÊN NĂM 2026

I. Mục tiêu đánh giá

Phần thi Tiếng Anh nhằm đánh giá khả năng hiểu và sử dụng tiếng Anh của người dự tuyển ở mức độ tham chiếu Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, phù hợp với những tình huống quen thuộc trong đời sống, học tập, công việc, trường học và hoạt động nghề nghiệp.

II. Hình thức và thời gian thi

1. Hình thức: Trắc nghiệm khách quan trên máy vi tính;
2. Số lượng: 30 câu hỏi/ bài thi;
3. Thời gian làm bài: 30 phút;

Mỗi câu hỏi có 04 phương án, trong đó có 01 phương án đúng hoặc phù hợp nhất.

III. PHẠM VI NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Cấu trúc câu cơ bản

- Câu khẳng định, câu phủ định và câu nghi vấn;
- Trật tự từ trong câu đơn;
- Động từ *to be, have, do*;
- Cấu trúc *there is/there are*;
- Cấu trúc với *it* trong các trường hợp thông dụng;
- Câu mệnh lệnh;
- Các mẫu câu cơ bản dùng trong giao tiếp hằng ngày.

2. Thì và dạng của động từ

Thí sinh cần nắm được cách sử dụng các thì và dạng động từ thông dụng ở mức độ cơ bản:

- Present simple;
- Present continuous;
- Past simple;
- Past continuous trong các tình huống thông dụng;
- Future with *will*;
- *Be going to*;
- Present continuous dùng để diễn đạt kế hoạch, sự sắp xếp trong tương lai;
- Present perfect ở một số trường hợp cơ bản và thông dụng như diễn đạt trải nghiệm hoặc sự việc vừa xảy ra;

- Các dấu hiệu thời gian cơ bản thường đi với các thì nêu trên.

Không yêu cầu các cấu trúc phối hợp thì phức tạp hoặc các cách sử dụng thì mang tính nâng cao.

3. Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ

- Chủ ngữ số ít và số nhiều;
- Danh từ số ít, số nhiều;
- Đại từ nhân xưng;
- Một số đại từ bất định thông dụng;
- Cấu trúc *there is/there are*;
- Sự hòa hợp chủ ngữ – động từ trong các câu đơn giản.

4. Danh từ, đại từ, mạo từ và từ hạn định

- Danh từ đếm được và không đếm được;
- Danh từ số ít và số nhiều;
- Sở hữu cách;
- Đại từ nhân xưng;
- Đại từ tân ngữ;
- Tính từ sở hữu và đại từ sở hữu;
- Đại từ chỉ định: *this, that, these, those*;
- Mạo từ: *a, an, the* và một số trường hợp không sử dụng mạo từ;
- Các từ hạn định và từ chỉ số lượng thông dụng: *some, any, no, much, many, a lot of, lots of, a few, a little, each, every, all, both*.

5. Tính từ, trạng từ và so sánh

- Vị trí và cách sử dụng tính từ;
- Trạng từ chỉ cách thức;
- Trạng từ chỉ tần suất;
- Comparative;
- Superlative;
- So sánh bằng với *as ... as*;
- *Too* và *enough*;
- Các cấu trúc so sánh thông dụng ở mức độ đơn giản.

6. Động từ khuyết thiếu

Các động từ khuyết thiếu thông dụng dùng để diễn đạt khả năng, sự cho phép, yêu cầu, nghĩa vụ và lời khuyên:

- *Can, could*;
- *May*;
- *Must, have to*;
- *Should*;
- *Mustn't, don't have to*;
- *Would like*.

7. Động từ nguyên mẫu và danh động từ

- Một số động từ thông dụng đi với *to-infinitive*: *want to, need to, hope to, plan to, decide to...*;
- Một số động từ thông dụng đi với *gerund*: *like, love, enjoy, hate...*;
- *Would like* + *to-infinitive*;
- Giới từ + *gerund* trong một số cấu trúc đơn giản;
- Câu mệnh lệnh và *infinitive of purpose* ở mức độ cơ bản.

Không yêu cầu phân biệt các sắc thái nghĩa phức tạp khi cùng một động từ có thể đi với *to-infinitive* hoặc *gerund*.

8. Câu bị động

Nhận biết và sử dụng câu bị động ở mức độ cơ bản, chủ yếu:

- Present simple passive;
- Past simple passive;

trong các thông báo, hướng dẫn, nội quy hoặc tình huống quen thuộc.

Không yêu cầu các dạng bị động phức tạp.

9. Câu điều kiện và mệnh đề thời gian cơ bản

- Zero conditional trong các tình huống đơn giản;
- First conditional;
- Mệnh đề với *if*;
- Mệnh đề thời gian với *when, before, after, until* trong các trường hợp thông dụng.

Không yêu cầu câu điều kiện loại 2, loại 3 hoặc các cấu trúc giả định phức tạp.

10. Mệnh đề quan hệ cơ bản

Nhận biết và sử dụng mệnh đề quan hệ xác định đơn giản với:

- *Who*;
- *Which*;
- *That*;
- *Where*.

Nội dung chủ yếu giới hạn ở việc xác định hoặc bổ sung thông tin cơ bản về người, vật và địa điểm.

11. Giới từ

- Giới từ chỉ thời gian: *at, on, in, before, after, during...*;
- Giới từ chỉ vị trí: *in, on, at, under, above, behind, in front of, next to, between, opposite, near...*;
- Giới từ chỉ hướng và chuyển động: *to, into, out of, from, across, along, through...*;
- Một số cụm giới từ thông dụng;
- Một số giới từ thường đi với tính từ hoặc động từ quen thuộc.

12. Liên từ và từ nối

- *And, but, or;*
- *Because, so;*
- *Before, after, when, while, until;*
- *First, next, then, finally;*
- Các từ và cụm từ nối đơn giản dùng để thể hiện trình tự, nguyên nhân, kết quả hoặc bổ sung thông tin.

13. Câu hỏi

- Yes/No questions;
- Wh-questions với *who, what, where, when, why, which, how;*
- Các câu hỏi với *how much, how many, how often, how long, how far;*
- Câu hỏi về thời gian, giá cả, số lượng, khoảng cách, địa điểm và thông tin cá nhân;
- Các mẫu câu hỏi lịch sự, đơn giản dùng để yêu cầu hoặc đề nghị thông tin.

14. Từ vựng

Từ và cụm từ thông dụng liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong đời sống, học tập và công việc, bao gồm:

- Thông tin cá nhân;
- Gia đình và các mối quan hệ;
- Nhà ở và môi trường sống;
- Hoạt động hằng ngày;
- Thời gian và lịch trình;
- Trường học, lớp học và hoạt động học tập;
- Công việc và nghề nghiệp;
- Mua sắm, giá cả và dịch vụ;
- Thực phẩm, đồ uống và ăn uống;
- Sức khỏe và các vấn đề sức khỏe thông thường;
- Thời tiết;
- Trang phục;
- Sở thích và hoạt động giải trí;
- Thể thao;
- Giao thông và phương tiện đi lại;
- Du lịch và kỳ nghỉ;
- Địa điểm và chỉ đường;
- Điện thoại, thư điện tử và các phương tiện liên lạc thông dụng;
- Các hoạt động và tình huống quen thuộc trong trường học và nơi làm việc.

15. Chức năng giao tiếp

Các tình huống giao tiếp đơn giản và quen thuộc, bao gồm:

- Chào hỏi và giới thiệu;
- Hỏi và cung cấp thông tin cá nhân;
- Cảm ơn và đáp lại lời cảm ơn;
- Xin lỗi và đáp lại lời xin lỗi;
- Yêu cầu và đề nghị;
- Xin phép và cho phép;
- Đưa ra lời khuyên đơn giản;
- Đưa ra lời mời và đáp lại lời mời;
- Đưa ra đề xuất đơn giản;
- Đồng ý và không đồng ý;
- Nói về sở thích;
- Hỏi và nói về thời gian;
- Hẹn và sắp xếp thời gian;
- Hỏi và chỉ đường;
- Mua hàng và hỏi giá;
- Đặt món ăn, đồ uống;
- Trao đổi thông tin qua điện thoại;
- Đọc và phản hồi các tin nhắn, thư điện tử ngắn;
- Giao tiếp đơn giản trong trường học và môi trường làm việc.

16. Đọc hiểu

Ngữ liệu có thể bao gồm:

- Biển báo;
- Thông báo;
- Nội quy hoặc hướng dẫn ngắn;
- Quảng cáo;
- Thực đơn;
- Lịch trình, thời gian biểu;
- Tin nhắn;
- Thư hoặc thư điện tử ngắn;
- Mẫu đơn hoặc biểu mẫu đơn giản;
- Đoạn hội thoại ngắn;
- Đoạn văn ngắn về con người, địa điểm, công việc, hoạt động hoặc sự kiện quen thuộc.

17. Liên kết và hoàn thành văn bản

Ở mức độ đơn giản, thí sinh cần có khả năng:

- Xác định trình tự hợp lý của các sự việc;
- Nhận biết mối quan hệ cơ bản giữa các câu;
- Sử dụng các từ nối đơn giản;

- Lựa chọn từ, cụm từ hoặc câu thích hợp để hoàn thành đoạn văn;
- Sắp xếp một số câu đơn giản thành đoạn văn có trình tự hợp lý;
- Lựa chọn tiêu đề hoặc nội dung chính phù hợp cho một văn bản ngắn.

PHỤ LỤC 4
NỘI DUNG ÔN THI VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC
CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND PHƯỜNG LONG BIÊN NĂM 2026

I. Khối Mầm non

Tài liệu sử dụng	Nội dung/Chủ đề	Phạm vi
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 ban hành Chương trình giáo dục mầm non, hợp nhất Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009, Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 và Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Tuyển chọn trò chơi, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề (trẻ 5-6 tuổi). Tác giả Lê Thị Thu Hương (chủ biên); Phan Thị Ngọc Anh - Nguyễn Thị Cẩm Bích - Lương Thị Bình - Nguyễn Thùy Dương - Hoàng Thị Thu Hương - Lưu Thị Lan - Vũ Yến Khanh - Nguyễn Thị Sinh Thảo - Trần Thị Ngọc Trâm - Phùng Thị Tường - Nguyễn Thị Quyên. Nhà Xuất bản giáo dục Việt Nam, năm 2024.	Hoạt động khám phá khoa học, thuộc lĩnh vực phát triển nhận thức, lứa tuổi mẫu giáo lớn 5-6 tuổi, trong Chương trình giáo dục mầm non.	Khám phá các giác quan
		Khám phá Nam châm
		Khám phá gia cầm
		Khám phá phương tiện giao thông đường bộ
		Khám phá không khí
		Khám phá tan và không tan
		Khám phá lợi ích của nước
	Hoạt động tạo hình, thuộc lĩnh vực phát triển thẩm mỹ, lứa tuổi mẫu giáo 5-6 tuổi, trong Chương trình giáo dục mầm non.	Vẽ về biển (Đề tài)
		Vẽ vườn cây ăn quả (Đề tài)
		Trang trí bưu thiếp chúc mừng năm mới (Đề tài)
		Vẽ cầu vồng sau cơn mưa (Đề tài)
		Cắt và xé dán cảnh quê hương (Đề tài)
		Vẽ dụng cụ nghề bác sĩ (Đề tài)
		Gấp và dán thuyền trên biển (Đề tài)
	Làm quen với tác phẩm văn học, thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, lứa tuổi mẫu giáo 5-6 tuổi, trong Chương trình giáo dục mầm non.	In bàn tay tạo hình con vật (Đề tài)
		Truyện “Ai đáng khen nhiều hơn” (Đa số trẻ chưa biết)
		Truyện “Cây rau của Thỏ Út” (Đa số trẻ chưa biết)
		Truyện “Cây tre trăm đốt” (Đa số trẻ chưa biết)
		Truyện “Hai anh em” (Đa số trẻ chưa biết)
		Truyện “Con gà trống kiêu căng” (Đa số trẻ chưa biết)

II. Khối Tiểu học

1. Giáo viên cơ bản

Tài liệu sử dụng	Nội dung/Chủ đề	Phạm vi
Sách giáo khoa Tiếng Việt 4 (Tập 1 + Tập 2), Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2024.	Luyện từ và câu: Động từ	Tiết 2, bài 9, tuần 5, trang 41, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập một
	Độc: Gặt chữ trên non	Tiết 1, bài 15, tuần 8, trang 63-64, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập một
	Luyện từ và câu: Hai thành phần chính của câu	Tiết 2, bài 3, tuần 20, trang 18, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai
	Độc: Sự tích con Rồng cháu Tiên	Tiết 1, bài 9, tuần 23, trang 40-41, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai
	Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích	Tiết 2, bài 15, tuần 26, trang 65-66, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai
	Luyện từ và câu: Biện pháp nhân hóa	Tiết 2, bài 17, tuần 10, trang 78-79, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập một
	Luyện từ và câu: Tính từ	Tiết 2, bài 21, tuần 12, trang 94-95, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập một
	Luyện từ và câu: Luyện tập về chủ ngữ	Tiết 2, bài 5, tuần 21, trang 26-27, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai
	Luyện từ và câu: Luyện tập về vị ngữ	Tiết 2, bài 7, tuần 22, trang 32-33, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai
	Độc: Sáng tháng Năm	Tiết 1, bài 11, tuần 24, trang 48-49, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai
Sách giáo khoa Toán 4 (Tập 1 + Tập 2), Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2024.	Bài 8: Góc nhọn, góc tù, góc bẹt (tiết 1)	Trang 26; 27, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một
	Bài 17. Yến, tạ, tấn (Tiết 1)	Trang 56; 57, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một
	Bài 18: Đề-xi-mét vuông, mét vuông, mi-li-mét vuông (tiết 1).	Trang 60; 61, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một
	Bài 22: Phép cộng các số có nhiều chữ số (tiết 1)	Trang 76; 77, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một

Tài liệu sử dụng	Nội dung/Chủ đề	Phạm vi
2024.	Bài 25. Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó (Tiết 1)	Trang 86; 87, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một
	Bài 31. Hình bình hành Hình thoi (Tiết 2)	Trang 107; 108, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một
	Bài 38. Nhân với số có một chữ số (Tiết 1)	Trang 4; 5, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập hai
	Bài 47: Bài toán liên quan đến rút về đơn vị (tiết 1)	Trang 31, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập hai
	Bài 55. Tính chất cơ bản của phân số (Tiết 1)	Trang 56; 57, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập hai
	Bài 64: Phép chia phân số (tiết 1)	Trang 91; 92, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập hai

2. Giáo viên Mỹ thuật

Tài liệu sử dụng	Nội dung/Chủ đề	Phạm vi
Sách giáo khoa Mỹ thuật lớp 3 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023.	Chủ đề 1: Em yêu mỹ thuật	Tiết 1
	Chủ đề 2: Hoa văn trên trang phục của một số dân tộc	Tiết 1
	Chủ đề 3: Màu sắc em yêu	Tiết 1
	Chủ đề 4: Vẽ đẹp của khối	Tiết 1
	Chủ đề 5: Một số vật liệu sử dụng trong thực hành, sáng tạo mỹ thuật	Tiết 1
	Chủ đề 6: Biết ơn thầy cô	Tiết 1
	Chủ đề 7: Cảnh vật quanh em	Tiết 1
	Chủ đề 8: Chân dung người thân trong gia đình	Tiết 1
	Chủ đề 9: Sinh hoạt trong gia đình	Tiết 1
	Chủ đề 10: An toàn giao thông	Tiết 1
Sách giáo khoa Mỹ thuật lớp 4 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023.	Chủ đề 1: Vẽ đẹp trong điêu khắc đình làng Việt Nam	Tiết 1
	Chủ đề 1: Vẽ đẹp trong điêu khắc đình làng Việt Nam	Tiết 2
	Chủ đề 2: Một số dạng không gian trong tranh dân gian Việt Nam	Tiết 1
	Chủ đề 2: Một số dạng không gian trong tranh dân gian Việt Nam	Tiết 2

	Chủ đề 3: Cảnh đẹp quê hương	Tiết 1
	Chủ đề 4: Vẽ đẹp trong cuộc sống	Tiết 1
	Chủ đề 5: Những kỉ niệm đẹp	Tiết 1
	Chủ đề 6: Mái trường yêu dấu	Tiết 1
	Chủ đề 7: Môi trường xanh - sạch - đẹp	Tiết 1
	Chủ đề 8: Quê hương thanh bình	Tiết 1

3. Giáo viên Tiếng Anh

Tài liệu sử dụng	Nội dung/Chủ đề	Phạm vi
Sách giáo khoa Tiếng Anh lớp 4 Global Success - tập hai - NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023	Unit 11. My Home	Lesson 1_Part 1 (p.6)
		Lesson 3_Part 1 (p. 10)
	Unit 12. Jobs	Lesson 2_Part 1 (p.14)
		Lesson 2_Part 2 (p.15)
	Unit 13. Appearance	Lesson 1_Part 2 (p.19)
		Lesson 3_Part 1 (p.22)
	Unit 14. Daily Activities	Lesson 1_Part 2 (p.25)
	Unit 15. My family's weekends	Lesson 2_Part 1 (p.32)
Sách giáo khoa Tiếng Anh lớp 5 Global Success - tập hai - NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023	Review 3	Part 1 (p.36)
		Part 2 (p.37)
	Unit 6: Our school rooms	Lesson 1 – Activity 1 - 3, Trang 44
		Lesson 3 – Activity 4 - 6, Trang 49
	Unit 8: In our classroom	Lesson 1 – Activity 4 - 6, trang 57
		Lesson 3 – Activity 1 - 3, trang 60
	Unit 10: Our school trip	Lesson 1 – Activity 1 - 3, trang 68
		Lesson 1 – Activity 4 - 6, trang 69
	Unit 12: Our Tet holiday	Lesson 2 – Activity 1 - 3, trang 14
		Lesson 3 – Activity 4 - 6, trang 17
	Unit 14: Staying healthy	Lesson 2 – Activity 1 - 3, trang 26
		Lesson 3 – Activity 4 - 6, trang 29

4. Giáo viên Thể dục

Tài liệu sử dụng	Nội dung/Chủ đề	Phạm vi
Sách giáo khoa Giáo dục thể chất lớp 4 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023.	Đi đều vòng bên phải trong chủ đề Đội hình đội ngũ.	Tiết 1: Một hàng dọc đi đều vòng bên phải
		Tiết 2: Nhiều hàng dọc đi đều vòng bên phải
	Đi đều vòng sau trong chủ đề Đội hình đội ngũ.	Tiết 1: Một hàng dọc đi đều vòng sau bên trái
		Tiết 2: Nhiều hàng dọc đi đều vòng sau bên trái
	Động tác vươn thở, động tác tay, động tác chân với vòng trong chủ đề Bài thể dục.	Tiết 1: Động tác vươn thở, động tác tay với vòng
		Tiết 2: Động tác chân với vòng và ôn các động tác đã học
	Động tác nhảy, động tác điều hoà với vòng trong chủ đề Bài thể dục.	Tiết 1: Động tác nhảy, động tác điều hoà với vòng
		Tiết 2: Hoàn thiện bài thể dục với vòng
	Bài tập rèn luyện kỹ năng bật xa trong chủ đề Tư thế và kỹ năng vận động cơ bản.	Tiết 1: Tại chỗ bật xa
		Tiết 2: Di chuyển một bước bật xa giậm nhảy bằng hai chân
	Bài tập rèn luyện kỹ năng bật cao trong chủ đề Tư thế và kỹ năng vận động cơ bản.	Tiết 1: Tại chỗ bật cao
		Tiết 2: Di chuyển một bước bật cao
	Nhảy dây trong chủ đề Tư thế và kỹ năng vận động cơ bản.	Tiết 1: Nhảy dây chụm chân
		Tiết 2: Nhảy dây qua từng chân
	Môn Bóng rổ trong chủ đề Thể thao tự chọn.	Tiết 1: Động tác tại chỗ dẫn bóng theo hình chữ V, dẫn bóng vượt chướng ngại vật
		Tiết 2: “Động tác chuyên, bắt bóng bật đất bằng hai tay trước ngực
		Tiết 3: Tại chỗ ném rổ bằng một tay trên vai
	Môn Bơi trong chủ đề Thể thao tự chọn.	Tiết 1: Tập động tác chân kiểu bơi Éch di động (có điểm tựa và không có điểm tựa" trong nước
		Tiết 2: Tập động tác tay kiểu bơi Éch di động (có điểm tựa và không có điểm tựa" trong nước
		Tiết 3: Tập động tác tay phối hợp với thở kiểu bơi Éch di động (có điểm tựa và không có điểm tựa" trong nước

5. Giáo viên Âm nhạc

Sách giáo khoa Âm nhạc lớp 3 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023.	Chủ đề 1: Lễ hội âm thanh	Tiết 2: Ôn bài hát "Múa lân" Đọc nhạc Bài số 1 (Trang 6, 8, 9, sách giáo khoa Âm nhạc 3)
		Tiết 3: Ôn Đọc nhạc Bài số 1 Thường thức âm nhạc: Dân trống dân tộc (Trang 9-11, sách giáo khoa Âm nhạc 3)
	Chủ đề 2: Em yêu Tổ quốc Việt Nam	Tiết 5: Học bài hát "Quốc ca Việt Nam" (Trang 14-15, sách giáo khoa Âm nhạc 3)
		Tiết 6: Ôn bài hát "Quốc ca Việt Nam" Nghe nhạc "Ca ngợi Tổ quốc" (Trang 14, 16, sách giáo khoa Âm nhạc 3)
	Chủ đề 3: Vui đến trường	Tiết 9: Học bài hát "Vui đến trường" (Trang 20-21, sách giáo khoa Âm nhạc 3)
		Tiết 11: Ôn Đọc nhạc Bài số 2 Nghe nhạc "Đi học" (Trang 22-23, sách giáo khoa Âm nhạc 3)
	Chủ đề 6: Đẹp mãi tuổi thơ	Tiết 24: Ôn bài hát "Đẹp mãi tuổi thơ" Nghe nhạc "Ước mơ hồng" (Trang 42, 44, sách giáo khoa Âm nhạc 3)
		Tiết 25: Nhạc cụ: Thể hiện các hình tiết tấu bằng nhạc cụ gõ (Trang 45, sách giáo khoa Âm nhạc 3)
Sách giáo khoa Âm nhạc lớp 4 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023.	Chủ đề 2: Giai điệu quê hương	Tiết 27: Học bài hát "Con chim non" (Trang 48-49, sách giáo khoa Âm nhạc 3)
		Tiết 28: Ôn bài hát "Con chim non" Đọc nhạc Bài số 4 (Trang 48, 50, 51, sách giáo khoa Âm nhạc 3)
	Chủ đề 3: Thầy cô với chúng em	Tiết 5. Hát: "Chim sáo" (Trang 14-15, sách giáo khoa Âm nhạc 4)
		Tiết 7. Thường thức âm nhạc: Giới thiệu đàn tranh Nghe nhạc: "Lí ngựa ô" (Trang 18-19, sách giáo khoa Âm nhạc 4)
	Chủ đề 4: Vui đón Tết	Tiết 9. Lí thuyết âm nhạc: Giới thiệu các hình nốt Đọc nhạc: Bài số 2 (Trang 22-24, sách giáo khoa Âm nhạc 4)
		Tiết 10: Ôn đọc nhạc: Bài số 2 Hát: "Nếu em là..." (Trang 24-26, sách giáo khoa Âm nhạc 4)
		Tiết 13. Hát: "Tết là tết" (Trang 30-31, sách giáo khoa Âm nhạc 4)
		Tiết 15. Thường thức âm nhạc: Pi-tơ (Peter) và chó sói" (Trang 33-35, sách giáo khoa Âm nhạc 4)

	Chủ đề 5: Thiên nhiên tươi đẹp	Tiết 19. Lí thuyết âm nhạc: Dấu lặng Độc nhạc: Bài số 3 (Trang 40-42, sách giáo khoa Âm nhạc 4)
		Tiết 21. Nghe nhạc: "Không gian xanh" Ôn bài hát: "Hạt mưa kể chuyện" (Trang 43, 45, sách giáo khoa Âm nhạc 4)
	Chủ đề 6: Tình bạn tuổi thơ	Tiết 23. Hát: "Tình bạn tuổi thơ" (Trang 48-49, sách giáo khoa Âm nhạc 4)
		Tiết 25. Nhạc cụ: Thể hiện nhạc cụ gõ hoặc nhạc cụ giai điệu (Trang 50-51, sách giáo khoa Âm nhạc 4)